

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2022/DSPT

Ngày: 09/8/2022

*V/v tranh chấp thực hiện
nghĩa vụ trả tiền*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Tuấn Anh.

- *Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân
Ông Phan Minh Dũng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hùng Cường là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định:* Bà Võ Thị Lệ Giang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2021/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 127/2021/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Q bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 30/2021/QĐ-PT ngày 09 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Y; cư trú tại: 216/3 đường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (có đơn yêu cầu xử vắng mặt)

- *Bị đơn:*

1. Anh Lê Văn S (vắng)

2. Chị Huỳnh Thị Ng (có mặt)

Cùng cư trú tại: Dãy A, tầng 6, phòng số 10, chung cư H, đường Xuân T, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Trương Minh Th; cư trú tại: 216/3 đường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (vắng)

- *Người kháng cáo:* Chị Huỳnh Thị Ng - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y trình bày:

Tháng 11/2018, chị cùng chồng là anh Trương Minh Th và vợ chồng chị Huỳnh Thị Ng, anh Lê Văn S thỏa thuận với nhau về việc vợ chồng chị Ng chuyển nhượng cho vợ chồng chị lô đất tại vườn ươm Nguyễn H (ngã ba Diêu T) với với giá 280.000.000 đồng. Vợ chồng chị đặt cọc cho chị Ng 45.000.000 đồng, cụ thể: Đưa trước cho chị Ng 5.000.000 đồng; ngày 22/11/2018, chị chuyển vào tài khoản anh Lê Văn S 30.000.000 đồng và đưa cho chị Ng 10.000.000 đồng tại nhà. Sau đó, chị Ng đổi ý không bán đất nữa. Ngày 18/01/2019 (Âm lịch), chị Ng viết giấy nhận của chị 45.000.000 đồng và hẹn đến ngày 24/01/2019 (Âm lịch) sẽ trả lại số tiền này cho vợ chồng chị nhưng đến hạn chị Ng không trả mà báo Công an phường T cho rằng chị ép chị Ng viết giấy đặt cọc. Tại Công an phường T, chị Ng thừa nhận đã nhận của chị 45.000.000 đồng nhưng chị Ng cho rằng anh Th nợ tiền của chị Ng nên chị Ng trừ nợ. Tuy nhiên, anh Th không nợ tiền của chị Ng, chị Ng cũng không có giấy tờ chứng minh anh Th nợ tiền của chị Ng.

Vì vậy, chị khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị Huỳnh Thị Ng phải trả cho chị 45.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Bị đơn trình chị Huỳnh Thị Ng trình bày:

Khoảng tháng 4/2016, chị cho anh Trương Minh Th (chồng chị Nguyễn Thị Y) mượn 53.000.000 đồng, cụ thể:

Lần 1: 20.000.000 đồng;

Lần 2: 20.000.000 đồng;

Lần 3: 13.000.000 đồng.

Việc vay mượn không viết giấy tờ. Chị Y (vợ anh Th) đã chuyển trả vào tài khoản của chồng chị là anh Lê Văn S 30.000.000 đồng, chị Y trả cho chị 10.000.000 đồng và anh Th trả trực tiếp cho chị 5.000.000 đồng. Tổng cộng chị đã nhận 45.000.000 đồng. Sau đó anh Th hỏi mượn tiền của chị tiếp nhưng chị không cho vì anh Th vẫn còn nợ tiền của chị.

Ngày 22/02/2019, chị Y đi cùng một người nữa nhưng chị không biết tên đến cơ quan chồng chị quậy phá. Chị có mời anh Th và chị Y ra quán cà phê đề hỏi rõ sự việc nhưng anh Th điện thoại nói với chị là đến nhà để trả nợ số tiền còn lại và giải thích rõ hơn.

Tối ngày 18/01/2019 ÂL (tức ngày 22/02/2019) chị đến nhà vợ chồng chị Y vừa nói được vài câu thì bà “H Đen” tự xưng là xã hội đen đánh chị. Chị Y đã ép buộc chị viết giấy đặt cọc. Vì quá sợ nên chị viết giấy đặt cọc theo yêu cầu của chị Y. Sự việc chị Y và bà H bắt ép chị viết giấy đặt cọc bán đất, chị đã báo cáo Công an phường T nhưng không được giải quyết. Ngày 08/3/2019, chị có làm đơn gửi Công an thành phố Q đề nghị xử lý hành vi bắt giữ, đánh người và cưỡng đoạt tài sản đối với chị Y.

Nay chị Y yêu cầu vợ chồng chị trả 45.000.000 đồng, chị không đồng ý, đề nghị Tòa xử theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Lê Văn S trình bày:

Anh không quen biết chị Nguyễn Thị Y và cũng không nợ tiền chị Y. Năm 2018, chị Y chuyển tiền vào tài khoản của anh với số tiền 30.000.000 đồng là tiền chị Y trả nợ cho vợ anh là chị Huỳnh Thị Ng (thẻ ATM của anh do chị Ng quản lý, sử dụng chi tiêu trong gia đình và trả nợ ngân hàng).

Nay chị Y yêu cầu vợ chồng anh trả 45.000.000 đồng và tiền lãi, anh không đồng ý vì vợ chồng anh không nợ tiền của chị Y.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Minh Th trình bày:

Anh là chồng chị Nguyễn Thị Y. Anh không nợ tiền của chị Huỳnh Thị Ng. Anh thống nhất theo lời khai và yêu cầu của chị Y.

Bản án dân sự sơ thẩm số 127/2021/DS-ST ngày 11/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Q đã xử:

- Buộc chị Huỳnh Thị Ng, anh Lê Văn S phải trả cho chị Nguyễn Thị Y 54.836.000 đồng (Năm mươi bốn triệu tám trăm ba mươi sáu ngàn đồng).

- Không chấp nhận lời nại của chị Huỳnh Thị Ng, anh Lê Văn S cho rằng không đồng ý trả tiền cho chị Y.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 19/6/2021, bị đơn chị Huỳnh Thị Ng kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm buộc vợ chồng chị phải trả cho chị Nguyễn Thị Y 54.836.000 đồng. Yêu cầu bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của chị Huỳnh Thị Ng; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của chị Huỳnh Thị Ng không đồng ý bản án sơ thẩm buộc vợ chồng chị phải trả cho chị Nguyễn Thị Y 54.836.000 đồng và yêu cầu bác đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1.1] Chị Ng thừa nhận Giấy đặt cọc đề ngày 18/01/2019 âm lịch với nội dung chị nhận của chị Nguyễn Thị Y 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu) là do chị viết và ký nhưng việc chị viết Giấy đặt cọc nêu trên là do bị chị Y đi cùng với chị Huỳnh Thị H (H đen) ép buộc. Sau đó, chị Ng đã làm đơn gửi Công an thành phố Q tố cáo chị Y về hành vi bắt giữ người trái pháp luật và cưỡng đoạt tài sản.

Tại Biên bản xác minh ngày 20/6/2019, ông Vũ Nhật N là Cảnh sát khu vực của khu vực 5, Công an phường T, thành phố Q đã cung cấp như sau: “vào lúc 7 giờ 10 phút ngày 27/02/2019, Công an phường T tiếp nhận đơn báo cáo của chị Huỳnh Thị Ng, sinh năm 1988, địa chỉ tổ 42, khu vực 6, phường L, thành phố Q báo cáo về việc bị bà Nguyễn Thị Y ép viết giấy mượn tiền.

Qua xác minh Công an phường T nhận thấy không có dấu hiệu chị Ng bị bà Y ép viết giấy nhận tiền”.

Tại Thông báo kết quả giải quyết đơn số 2261/TB-CATP(HS) ngày 17/8/2020 của Công an thành phố Q đã kết luận: “Không có căn cứ xác định có tội phạm “giữ người trái pháp luật, cưỡng đoạt tài sản” đối với chị Nguyễn Thị Y”.

Lời khai của chị Huỳnh Thị H là người mà chị Ng cho rằng đã đi cùng chị Y để uy hiếp và ép chị viết giấy đặt cọc không thừa nhận cùng chị Y đe dọa chị Ng đồng thời chị H cho rằng chị Ng viết giấy đặt cọc cho chị Y là do chị Ng tự nguyện, không ai ép buộc.

[1.2] Chị Ng công nhận có nhận của chị Y 45.000.000 đồng nhưng theo chị Ng đây là khoản tiền mà chị Y trả nợ cho anh Trương Minh Th (chồng chị Y) vì trước đó chị có cho anh Th vay nhiều lần với tổng số tiền 53.000.000 đồng. Tuy nhiên, anh Th không thừa nhận việc có vay tiền của chị Ng, chị Ng không có chứng cứ chứng minh việc chị cho anh Th vay của chị tổng số tiền là 53.000.000 đồng.

Tại phiên tòa ngày 29/12/2021, chị Ng cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không cho đối chất giữa chị, chị Nguyễn Thị Y và anh Trương Minh Th là không đúng vì Tại Biên bản đối chất ngày 22/5/2019 và Biên bản đối chất ngày 01/12/2020 có mặt chị Y, anh Th nhưng chị Ng đều vắng mặt. Riêng phiên đối chất ngày 01/12/2020 có mặt anh Lê Văn S (chồng chị Ng) nhưng anh S không ký biên bản.

Từ những phân tích tại [1.1] và [1.2], có căn cứ để xác định rằng chị Ng nhận của chị Y 45.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc vợ chồng chị Ng phải trả cho chị Y 45.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền này tính từ ngày 25/01/2019 âm lịch (ngày 01/3/2019 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo của chị Huỳnh Thị Ng không được chấp nhận nên theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Ng phải chịu 300.000 đồng.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị Huỳnh Thị Ng; giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 274, 275, 280 khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Không chấp nhận kháng cáo của chị Huỳnh Thị Ng; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Buộc chị Huỳnh Thị Ng, anh Lê Văn S phải trả cho chị Nguyễn Thị Y 54.836.000 đồng (Năm mươi bốn triệu tám trăm ba mươi sáu ngàn đồng).

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Huỳnh Thị Ng phải chịu 300.000 đồng, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0003828 ngày 31/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không giải quyết có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

3.1 Kể từ ngày bản án quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3.2 Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thành phố Q;
- Chi cục THADS thành phố Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Tuấn Anh